

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/KDTM-PT.
Ngày: 26-01-2024.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**;

ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: ông **Huỳnh Văn Hảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và đòi lại tài sản”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 37/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Địa chỉ: Số A đường P, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông **Trần Văn K**, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Nguyễn Thành C**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ C, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2.

Địa chỉ: Số B đường N, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: bà Trương Thị Hoàng A, chức vụ: Giám đốc và bà Trương Nguyễn Hoàng U, chức vụ: Phó Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Số H đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Văn P là Luật sư của Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Số H đường H, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH MTV T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01 tháng 8 năm 2015, Công ty TNHH MTV T1 (gọi tắt là Công ty T1) và Công ty TNHH T2 (nay là Công ty TNHH MTV T2, gọi tắt là Công ty T2) có ký một Hợp đồng kinh tế, thỏa thuận về việc mua bán tài sản là chiếc cano du lịch có các thông số như sau: tên phương tiện: hoanghaixanh 02; số đăng ký: QNa-0842; năm và nơi đóng: 2013/Công ty TNHH đóng tàu S; số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, Yamaha, 1052244, 200.0CV; số lượng chở: 18 người. Hai bên đã thống nhất giá trị mua bán của chiếc cano trên là 97.350.930 đồng. Công ty T2 có nghĩa vụ bàn giao phương tiện và giấy tờ pháp lý của phương tiện cho Công ty T1 sau khi ký hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty T1 đã hoàn tất việc thanh toán nhưng Công ty T2 chỉ mới bàn giao phương tiện (cano QNa-0842) mà không bàn giao giấy tờ pháp lý về quyền sở hữu phương tiện.

Trong quá trình giao dịch chuyển nhượng, Công ty T2 không thông báo cho Công ty T1 biết giấy tờ pháp lý của cano Q hiện nay Công ty T2 không nắm giữ. Công ty T1 đã thu thập được, ngày 18/7/2015, Công ty T2 có cam kết lập hồ sơ, thủ tục bán chiếc cano QNa-0842 cho Doanh nghiệp tư nhân V và vào ngày 05/10/2015, DNTN V tranh chấp với Công ty T2 liên quan đến chiếc cano nêu trên. Theo Quyết định số 29/2017/DS-GĐT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có nội dung: “*Biên bản làm việc ngày 18/7/2015 Công ty TNHH T2 cam kết lập hồ sơ, thủ tục bán chiếc cano QNa-0842 cho DNTN V*”. Tuy nhiên, ngày 01/8/2015, Công ty T2 lại ký với Công ty T1 hợp đồng kinh tế thỏa thuận về việc bán chiếc cano du lịch trên mà không thông báo cho Công ty T1 biết về việc này. Vì vậy, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:- Tuyên bố Hợp đồng kinh tế về việc mua bán tài sản là 01 chiếc cano du lịch (có các thông số như sau: tên phương tiện: hoanghaixanh 02; số đăng ký: QNa-0842; năm và nơi đóng: 2013/ Công ty TNHH Đ1; số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, Yamaha, 1052244, 200.0CV; số lượng chở: 18 người) giữa Công ty T2 và Công ty T1 vô hiệu.- Buộc Công ty T2 trả lại cho Công ty T1 số tiền 97.350.930 đồng. Đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn, người đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có ý kiến như sau: sau khi hai bên xảy ra tranh chấp, Công ty T1 có thu giữ tài sản là cano cao tốc T2 02, số đăng ký: QNa- 0842; Công ty T1 đồng ý trả lại tài sản trên cho bị đơn. Riêng đối với cavet gốc thì Công ty không giữ nên không đồng ý đối với yêu cầu này của bị đơn.

Tại bản tự khai, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH MTV T2 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để thực hiện hoạt động kinh doanh, Công ty T2 có 03 cano cao tốc để vận chuyển hành khách, trong đó có Hoàng Hải X 02, số đăng ký: QNa-0842. Công ty nhận chuyển nhượng cano này từ Doanh nghiệp tư nhân V vào ngày 31/5/2014. Sau khi nhận chuyển nhượng, Công ty đã tiến hành các thủ tục sang tên và đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật và được Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận với tên gọi là Hoàng Hải X 02. Công ty T2 thực hiện việc khai thác vận chuyển hành khách theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh. Trong quá trình hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách từ H đến C và ngược lại, Công ty thường xuyên neo đậu tại Trường Đ của Công ty TNHH MTV T1. Trong quá trình đó, để thuận tiện cho việc kiểm tra do Đoàn kiểm tra hoặc xuất cavet gốc khi cần thiết trong việc kinh doanh nên Giám đốc, ông Trần Văn K đã trao đổi với Công ty (*đại diện, bà Trương Nguyễn Hoàng U*) về việc bàn giao cavet gốc cho ông K để thuận tiện trong công việc và Công ty đã bàn giao cavet gốc (*chỉ bàn giao, không lập biên bản giao nhận*). Đến ngày 01/8/2015, Công ty T2 đã chuyển nhượng cano số đăng ký: QNa-0842 cho Công ty T1 với giá 97.350.930 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 01 HHX/HĐKT và giao toàn bộ hồ sơ gốc của cano QNa-0842 cho Công ty T1, đến nay cano QNa-0842 do Công ty T1 đang nắm giữ.

Nay, Công ty TNHH MTV T1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ký kết giữa hai bên là vô hiệu và yêu cầu Công ty trả lại cho Công ty T1 số tiền 97.350.930 đồng, Công ty T2 thống nhất Hợp đồng trên là vô hiệu. Tuy nhiên, do không nhận tiền nên Công ty không đồng ý trả lại cho Công ty T1 số tiền trên.

Công ty có yêu cầu phản tố, buộc Công ty T1 trả lại cho Công ty tài sản là cavet gốc (*Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa*) và cano cao tốc T2 02, số Đăng ký: QNa-0842. Do khi bàn giao cano cao tốc trên, hai bên không lập biên bản giao nhận nên Công ty chỉ yêu cầu bàn giao cano trên theo như biên bản thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 (*không yêu cầu về chất lượng*).

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 37/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 129, Điều 137, khoản 1 Điều 410 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 3 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 với bị đơn Công ty T2. Tuyên bố Hợp đồng kinh tế số 01 HHX/HĐKT giữa Công ty T2 và Công ty T1 về việc mua bán tài sản là 01 chiếc cano du lịch, số đăng ký: QNa-0842 vô hiệu. Buộc Công ty T2 trả lại cho Công ty T1 số tiền 97.350.930 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T2. Buộc Công ty T1 trả lại cho Công ty T2 02, số đăng ký: QNa-0842. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty T2 về việc buộc Công ty T1 trả lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*cavet gốc*) cho Công ty T2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2023, bị đơn Công ty T2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 97.350.930 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty T2 thì thấy:

[2.1] Vào ngày 01/8/2015, giữa nguyên đơn Công ty T1 với bị đơn Công ty T2 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01 HHX/HĐKT, thỏa thuận về việc mua

bán tài sản là chiếc cano du lịch, có tên phương tiện là: Hoàng Hải X 02, số đăng ký: QNa-0842 với giá là 97.350.930 đồng.

Theo Quyết định Giám đốc thẩm số: 29/2017/DS-GĐT ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận định: “..., nếu Công ty T2 không đồng ý thực hiện cam kết sẽ bán chiếc cano thì chỉ có cơ sở buộc Công ty T2 hoàn trả số tiền mà Doanh nghiệp V đã trả nợ thay Công ty T2 cho anh T và anh H (nếu Doanh nghiệp V có yêu cầu). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ cam kết “sẽ” thực hiện việc mua bán (nếu có) tại Biên bản làm việc nêu trên để buộc Công ty T2 phải bán chiếc cano cho Doanh nghiệp V là vi phạm quyền tự định đoạt của chủ sở hữu tài sản”. Mặt khác, tại thời điểm ký kết Hợp đồng kinh tế số: 01 HHX/HĐKT ngày 01/8/2015 để bán chiếc cano Hoàng Hải X 02, số đăng ký: QNa-0842 cho Công ty T1 thì Công ty T2 chưa ký hợp đồng bán chiếc cano này cho Doanh nghiệp tư nhân V. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng kinh tế số: 01 HHX/HĐKT giữa Công ty T2 và Công ty T1 vô hiệu do giả tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ của Công ty T2 đối với Doanh nghiệp tư nhân V là không có căn cứ, vì Công ty T2 không có nghĩa vụ buộc phải bán chiếc cano cho Doanh nghiệp tư nhân V như nhận định của Quyết định Giám đốc thẩm đã nêu ở trên. Do đó, Hợp đồng kinh tế số: 01 HHX/HĐKT giữa Công ty T2 và Công ty T1 vẫn có hiệu lực, không bị vô hiệu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều hướng đến mục đích chung là thống nhất chấm dứt hợp đồng và hoàn trả lại tài sản mua bán. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng kinh tế về việc mua bán tài sản giữa các bên, điều chỉnh lại phần quyết định của bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[2.2] Bị đơn Công ty T2 không đồng ý trả số tiền 97.350.930 đồng cho nguyên đơn Công ty T1, vì cho rằng bị đơn không nhận số tiền này của nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy Chứng nhận nộp tiền, Ủy nhiệm chi ngày 21/8/2015 của Ngân hàng V - Chi nhánh Q1 (*bút lục 09, 10*) và Hoá đơn GTGT số 0000125 ngày 01/8/2015 (*bút lục 11*), có đủ cơ sở để khẳng định Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty T2 số tiền mua cano là 97.350.930 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T2 phải trả lại số tiền nêu trên cho Công ty T1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn Công ty T2 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Công ty T2 phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 37/2023/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117 và 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 317 Luật Thương mại năm 2005; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2.

Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số: 01 HHX/HĐKT ngày 01/8/2015 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (*nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2*) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 về việc mua bán tài sản là 01 (*Một*) chiếc cano du lịch (*có các thông số như sau: tên phương tiện: hoànghảixanh 02; số đăng ký: QNa-0842; năm và nơi đóng: 2013/ Công ty TNHH Đ1; số lượng, kiểu và công suất máy chính: 01, Yamaha, 1052244,200.0CV; số lượng chở: 18 người*).

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 số tiền 97.350.930 (*Chín mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm ba mươi*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2 phải chịu số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007761 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/01/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND TP. Hội An;
- Chi cục THADS TP Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**